

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Gầm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Văn Cảnh.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/11/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 12, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bà N và ông Hữu N đều có yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà và ông Nguyễn Hữu N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/12/2012. Sau khi kết hôn bà và ông N chung sống rất hạnh phúc. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện tại không còn tình cảm vợ chồng và không thể hàn gắn được. Do đó, bà không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa nên xin được ly hôn.

Về con chung: giữa bà và ông N có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Ánh V, sinh ngày 04/02/2014 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 18/11/2017, hiện đang sống với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai ngày 12/7/2021 bị đơn ông Nguyễn Hữu N trình bày:* Ông và vợ ông là Nguyễn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/12/2012. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên đã ly thân cách đây 2 năm, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay bà N xin ly hôn ông cũng đồng ý.

Về con chung: Giữa ông và bà N có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Ánh V, sinh ngày 04/02/2014 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 18/11/2017, hiện đang sống với bà N. Ông đồng ý để bà N tiếp tục nuôi cả hai con cho đến khi đủ 18 tuổi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa ông và bà N không có nên ông không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:*

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N. Bà N được ly hôn với ông Nguyễn Hữu N.

- Về con chung: bà Nguyễn Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Ngọc Ánh V, sinh ngày 04/02/2014 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 18/11/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông Hữu N cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, bà N có thể yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hữu N cấp dưỡng cho con. Ông Hữu N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông Hữu N trình bày không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Nguyễn Hữu N có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N và ông Hữu N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà N và ông Hữu N tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày

05/12/2012. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà N cho rằng sau khi kết hôn, chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng không có tiếng nói chung. Qua thời gian, mâu thuẫn ngày càng tăng nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, bà N khẳng định bà đã không còn tình cảm với ông Hữu N nên xin được ly hôn. Đối với ông Hữu N, ông cũng thống nhất với lời trình bày của bà N. Ông cũng cho rằng cuộc hôn nhân của ông bà chỉ hạnh phúc được một thời gian đầu. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà N và ông Hữu N đã ly thân nay 2 năm, ông bà cũng thừa nhận cuộc hôn nhân này không có hạnh phúc và trong thời gian ly thân thì mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Điều này hoàn toàn trái ngược với quy luật phát triển của xã hội và không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật hôn nhân và gia đình: “Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”. Ngoài ra, tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...”. Đối chiếu với các quy định trên thì giữa bà N và ông Hữu N đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông Hữu N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[3] Về con chung: Giữa bà N và ông Hữu N có 02 con chung Nguyễn Ngọc Ánh V, sinh ngày 04/02/2014 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 18/11/2017, hiện đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con, bà không yêu cầu ông Hữu N cấp dưỡng cho con. Ông Hữu N cũng đồng ý để cho bà N được trực tiếp nuôi 02 con là Ánh V và H cho đến khi đủ 18 tuổi, ông không cấp dưỡng. Qua hỏi ý kiến thì cháu Vy cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó, để không làm thay đổi cuộc sống của con, cũng như để đảm bảo sự phát triển của các con về mặt thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử xét thấy cần để cho bà N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con cho đến khi đủ 18 tuổi. Ngoài ra, tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình cũng có quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy nhiên, do bà N không yêu cầu ông Hữu N cấp dưỡng cho con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông Hữu N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N. Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Hữu N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Ánh V, sinh ngày 04/02/2014 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 18/11/2017 cho bà Nguyễn Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông Hữu N cấp dưỡng cho con.

Ông Hữu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông Hữu N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007884 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà N đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã C, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Gấm**